

Chất lượng tài sản của các ngân hàng thương mại Việt Nam năm 2020: Thực trạng và một số khuyến nghị

ĐỖ CẨM HIỀN*

Phân tích số liệu trên các báo cáo tài chính (BCTC) năm 2020 của các ngân hàng thương mại (NHTM) ở Việt Nam cho thấy, tuy các ngân hàng có sự tăng trưởng mạnh về quy mô tài sản và dư nợ cho vay, nhưng chất lượng tài sản còn thấp. Từ thực tế này, bài viết đưa ra một số khuyến nghị để cải thiện chất lượng tài sản của hệ thống NHTM trong thời gian tới.

THỰC TRẠNG CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI NĂM 2020

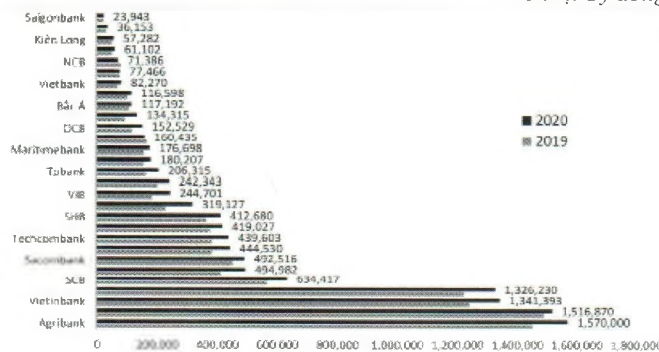
Theo BCTC năm 2020 của các NHTM, tính đến ngày 31/12/2020, tổng tài sản của toàn hệ thống tổ chức tín dụng (TCTD) đạt trên 13 triệu tỷ đồng, tăng khoảng 5% so với năm 2019; trong đó, riêng 4 NHTM nhà nước chiếm khoảng 44%. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) dẫn đầu về tổng tài sản trong nhóm NHTM nhà nước với gần 1,6 triệu

tỷ đồng. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn (SCB) dẫn đầu nhóm NHTM cổ phần tư nhân về tổng tài sản với tổng tài sản đạt 634.000 tỷ đồng (Hình 1).

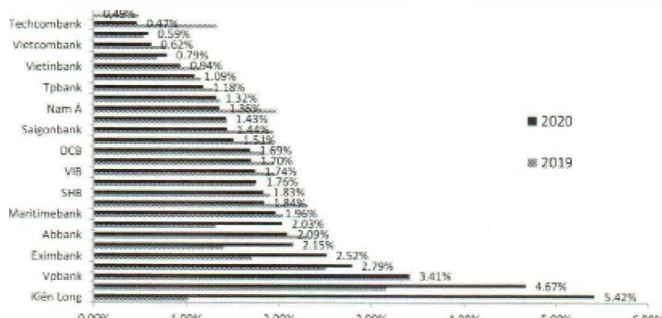
Trong bối cảnh nền kinh tế cũng như lĩnh vực ngân hàng bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19 từ đầu năm 2020 đến nay, nhiều NHTM vẫn đạt được mức tăng trưởng tốt về quy mô tổng tài sản và dư nợ cho vay. Tuy nhiên, chất lượng tài sản của các NHTM vẫn còn nhiều hạn chế không chỉ bởi ảnh hưởng của dịch Covid-19, mà còn do những yếu kém từ giai đoạn trước tích tụ lại. Có rất nhiều nghiên cứu về chất lượng tài sản của các NHTM, nhưng các nghiên cứu này mới chỉ đánh giá chất lượng tài sản ở khía cạnh tỷ lệ nợ xấu với một nhóm khoảng 10 ngân hàng. Vì vậy, nghiên cứu này đánh giá chất lượng tài sản của các NHTM ở Việt Nam trên các khía cạnh: Tỷ lệ nợ xấu; Tỷ lệ lãi, phí phải thu; Tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro so với nợ xấu, trên cơ sở số liệu tổng hợp từ 28/35 NHTM công bố BCTC.

HÌNH 1: TỔNG TÀI SẢN CỦA CÁC NHTM TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2020

Đơn vị: Tỷ đồng



HÌNH 2: TỶ LỆ NỢ XẤU CỦA CÁC NHTM ĐẾN NGÀY 31/12/2020



Nguồn: Tác giả tổng hợp từ BCTC hợp nhất của các NHTM năm 2019, 2020

Tỷ lệ nợ xấu

Dù năm 2020, ngành ngân hàng chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19, nhưng nợ xấu của các ngân hàng giảm mạnh trong 3 tháng cuối cùng của năm 2020, nhờ đó tỷ lệ nợ xấu cuối năm giảm xuống mức thấp hơn cả cuối năm 2019. Kết thúc năm 2020, nhiều NHTM gây bất ngờ khi có thể kéo tỷ lệ nợ xấu xuống dưới 1%, đồng thời nợ tái cơ cấu cũng giảm mạnh (Hình 2).

Tính đến cuối năm 2020, tất cả các TCTD đã thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho 270.000 khách hàng, với dư nợ

* NCS., Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội

355.000 tỷ đồng. Con số này tương đương khoảng 4% tổng dư nợ cho vay toàn ngành được cơ cấu và không bị chuyển nhóm nợ. Việc giữ nguyên nhóm nợ đối với nhiều khoản nợ đã phần nào làm cho bức tranh nợ xấu, cũng như chất lượng tài sản của ngân hàng trong năm 2020 bị lệch lạc và có phần không chính xác. Tuy nhiên, các ngân hàng phải bắt đầu trích lập dự phòng rủi ro căn cứ vào bản chất của các khoản nợ đó. Lộ trình trích lập dự phòng rủi ro là 3 năm bắt đầu từ năm 2021, nhằm tránh gây ra “cú sốc” về lợi nhuận.

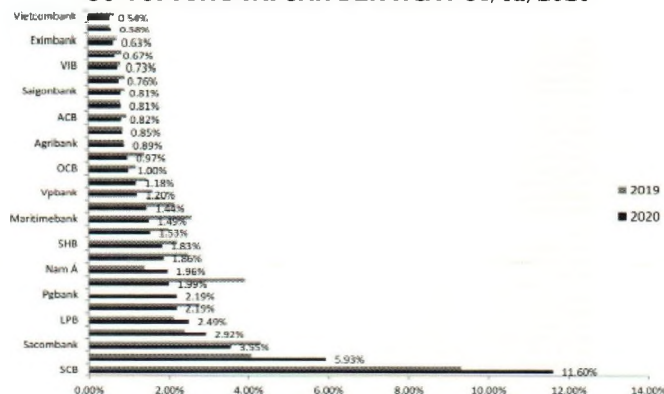
Tỷ lệ lãi, phí phải thu

Kết thúc năm 2020, mặc dù chịu tác động tiêu cực không nhỏ từ đại dịch Covid-19, nhưng nhìn chung ngành ngân hàng vẫn có một năm kinh doanh khá khả quan, khi phần lớn các NHTM đều ghi nhận lợi nhuận tăng trưởng so với năm trước. Tuy tỷ lệ lãi, phí phải thu của nhiều NHTM có xu hướng tăng mạnh trong năm qua, nhưng chất lượng lợi nhuận đến đâu vẫn còn là một điều đáng quan tâm. 4 NHTM có vốn nhà nước ghi nhận tỷ lệ lãi, phí phải thu trên tổng tài sản thấp nhất, trung bình là 0,71% tổng tài sản. SCB là một trong những ngân hàng có khoản lãi, phí phải thu cao nhất trong năm qua, chiếm tới 11,6% tổng tài sản (Hình 3).

Về lý thuyết, lãi dự thu là khoản lãi mà ngân hàng dự kiến thu được trong tương lai từ các tài sản sinh lời, trong đó bao gồm cho khách hàng vay. Dù ngân hàng chưa thu được tiền thật từ khoản này, nhưng vẫn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Tỷ lệ này của một số ngân hàng dù giảm, nhưng vẫn còn khá cao. Điều này cho thấy, chất lượng tài sản giữa các ngân hàng có sự phân hóa lớn và tính minh bạch còn hạn chế. Khoản lãi, phí phải thu lớn cho thấy, chất lượng tài sản của các ngân hàng còn thiếu minh bạch và tiềm ẩn nhiều rủi ro, bởi ngân hàng có thể sử dụng các biện pháp kỹ thuật để chưa hạch toán vào nợ xấu và tài sản xấu. Khi tỷ lệ này quá lớn, hoặc tăng quá nhanh và đặc biệt là cô đặc trong một khoảng thời gian dài, thì dễ trở thành tín hiệu cảnh báo về chất lượng tài sản, nợ xấu tiềm ẩn, cũng như chất lượng lợi nhuận của ngân hàng.

Theo quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BTC, ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về chế độ tài chính đối với TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, các TCTD chỉ được hạch toán

HÌNH 3: TỶ LỆ LÃI, PHÍ PHẢI THU CỦA CÁC NHTM SO VỚI TỔNG TÀI SẢN ĐẾN NGÀY 31/12/2020



Nguồn: Tác giả tổng hợp từ BCTC hợp nhất của các NHTM năm 2019, 2020

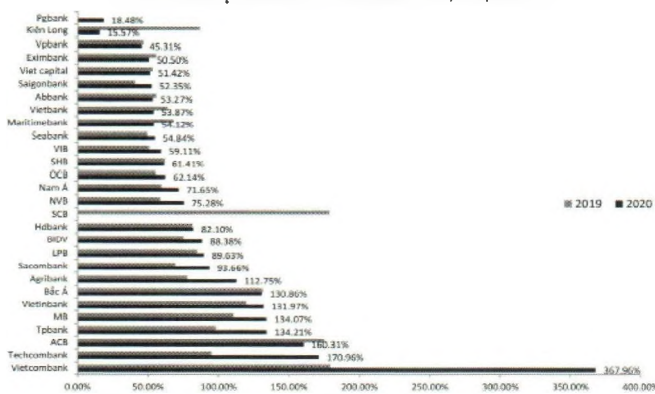
số lãi phải thu phát sinh trong kỳ vào thu nhập đối với các khoản nợ đủ tiêu chuẩn không phải trích dự phòng rủi ro, tức là nợ nhóm 1. Đối với các khoản phải thu đã hạch toán vào thu nhập, nhưng sau đó được đánh giá không thu được hoặc đến kỳ hạn thu không thu được, thì TCTD phải hạch toán giảm doanh thu nếu cùng kỳ kế toán, hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế toán. Dù vậy, nhiều NHTM vẫn không thực hiện chuyển nhóm nợ đối với những khoản thu quá hạn, không thoái lãi dự thu đối với các trường hợp khó có khả năng thu hồi, nên làm tăng lãi ảo, đồng thời con số nợ xấu không được thể hiện một cách chính xác, cụ thể trên BCTC. Để kiểm soát lãi dự thu và đưa con số nợ xấu về thực chất hơn, Ngân hàng Nhà nước đã yêu cầu các TCTD nghiêm túc thực hiện dự thu lãi phù hợp với thực trạng các khoản nợ, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật để phản ánh đúng kết quả hoạt động kinh doanh, đồng thời, TCTD phải thường xuyên rà soát tình hình thực tế của các khoản nợ đang dự thu lãi, đặc biệt là các khoản lãi có dự thu lớn để kịp thời thoái lãi dự thu đối với các trường hợp khó có khả năng thu hồi. Tuy nhiên, hiện quy mô khoản lãi dự thu của hệ thống ngân hàng vẫn khá lớn và còn có xu hướng tăng, đặc biệt là trước tác động của đại dịch Covid-19. Điều này tiềm ẩn yếu tố rủi ro lợi nhuận ngân hàng đang bị “thổi phồng”, trong khi con số nợ xấu không được phản ánh đầy đủ trên sổ sách.

Trích lập dự phòng rủi ro so với nợ xấu

Năm 2020, nhiều NHTM đã tăng mạnh trích lập dự phòng, nên tỷ lệ dự phòng bao nợ xấu đạt mức cao. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) có tỷ lệ bao phủ nợ xấu lớn nhất hệ thống, lên tới gần 368% (Hình 4).

Gần chục năm trước, các quy định tại Quyết định số 780/2012-NHNN, ngày 23/04/2012 của Ngân hàng Nhà nước về phân loại nợ đối với nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ và Thông tư số 09/2015/TT-NHNN, ngày 17/07/2015 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động mua, bán nợ của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, đã mở ra cơ chế cho các NHTM cơ cấu lại nợ mà không phải chuyển nhóm nợ. Năm 2020, để hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19,

HÌNH 4: TỶ LỆ DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG SO VỚI NỢ XẤU ĐẾN NGÀY 31/12/2020



Nguồn: Tác giả tổng hợp từ BCTC hợp nhất của các NHTM năm 2019, 2020

Thông tư số 01/2020/TT-NHNN, ngày 13/03/2020 của Ngân hàng Nhà nước quy định về việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, cho cơ cấu lại nợ tương tự. Qua các lần cơ cấu nợ như vậy, quy mô nợ cơ cấu rất lớn... Cùng với đó, việc trích lập dự phòng cũng thay đổi, tỷ lệ bao phủ thay đổi so với nợ xấu trên báo cáo. Cụ thể là: Thông tư số 03/2021/TT-NHNN, ngày 02/4/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN đã quy định theo hướng giãn trích lập dự phòng ra 3 năm (mỗi năm khoảng 30%). Với những biến động cơ chế như vậy, tỷ lệ bao phủ nợ xấu hiện nay chưa hẳn đã cao, hoặc lợi nhuận công bố chưa hẳn đã lớn. Hàng năm, mỗi NHTM thực hiện phân bổ lợi nhuận đều phải rà soát chặt chẽ khâu trích lập dự phòng và hạch toán lợi nhuận, sau đó mới được chia cổ tức. Thực tế, đến nay đã sang năm 2021, nhưng một số NHTM vẫn chưa thể chia cổ tức của năm 2019.

HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

Qua phân tích chất lượng tài sản năm 2020 của các NHTM cho thấy, rủi ro nợ xấu vẫn còn ở mức cao. Tỷ lệ lãi, phí dự thu cao ở một số NHTM cho thấy, có thể các ngân hàng đã sử dụng các biện pháp kỹ thuật để chưa hạch toán các khoản này vào nợ xấu và tài sản xấu khiến rủi ro vẫn còn tiềm ẩn. Ngoài những lý do khách quan, như: dịch bệnh, bất ổn của nền kinh tế, thiên tai..., thì một số nguyên nhân chính sau đây dẫn tới nợ xấu và lãi dự thu của hệ thống NHTM còn cao:

Thứ nhất, về phía khách hàng, do khách hàng có tình hình tài chính không tốt, năng lực chủ yếu dựa vào vốn vay ngân hàng, quản trị doanh nghiệp yếu, không thích ứng được với môi trường kinh tế thay đổi.

Thứ hai, về phía ngân hàng, nợ xấu do chất lượng thẩm định không tốt, rủi ro đạo đức cán bộ. Ngoài ra, trong thời gian dài, một số ngân hàng tăng trưởng tín dụng nóng và đầu tư vào các lĩnh vực rủi ro cao nhưng tình hình quản trị chưa tốt, dẫn tới những khoản nợ chưa đạt tiêu chuẩn. Bên cạnh đó, sở hữu chéo, sở hữu lũng

đoạn, vốn là nguyên nhân chủ yếu tạo ra khoản nợ xấu lớn ở một số NHTM cổ phần trước đây hiện vẫn còn là gánh nặng tài chính đối với nhiều ngân hàng nhỏ.

Thứ ba, về khuôn khổ pháp lý, hiện có một số quy định chưa hoàn thiện, nên gây khó khăn cho các ngân hàng trong tái cơ cấu và xử lý nợ xấu. Cụ thể như sau:

(i) Về quyền thu giữ tài sản bảo đảm quy định tại Điều 7, Nghị quyết số 42/2017/QH14, ngày 21/06/2017 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các TCTD, trên thực tế, việc thu giữ tài sản bảo đảm hiện vẫn phụ thuộc khá nhiều vào thiện chí của bên vay. Sự phối hợp của các cơ quan hữu quan tại địa phương trong một số trường hợp chưa kịp thời (như: xác minh thông tin khách hàng, hỗ trợ thu giữ tài sản bảo đảm...), đã làm ảnh hưởng đến công tác xử lý nợ xấu.

(ii) Về áp dụng thủ tục rút gọn trong giải quyết tranh chấp nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm và xử lý tài sản này như quy định tại Điều 8, Nghị quyết số 42/2017/QH14, hiện số lượng các vụ việc xử lý nợ xấu thông qua thủ tục rút gọn tại tòa án còn rất hạn chế, nên phần nào ảnh hưởng đến kết quả xử lý nợ xấu.

(iii) Về điều kiện chuyển nhượng tài sản bảo đảm là dự án bất động sản quy định tại Điều 10, Nghị quyết số 42/2017/QH14, việc chuyển nhượng các dự án chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gặp phải khó khăn khi tiến hành các thủ tục chuyển nhượng dự án tại các cơ quan có thẩm quyền.

(iv) Về thực hiện thứ tự ưu tiên thanh toán khi xử lý tài sản bảo đảm, cũng như việc nộp thuế khi chuyển nhượng tài sản bảo đảm như quy định tại Điều 12, Nghị quyết số 42/2017/QH14, do phải nộp các khoản thuế trước khi thực hiện nghĩa vụ ưu tiên thanh toán cho bên nhận bảo đảm là tài sản bảo đảm đã làm giảm số tiền thu hồi nợ của TCTD. Nhiều trường hợp số tiền bán tài sản bảo đảm không đủ thu hồi nợ cho TCTD, nhưng vẫn phải nộp thuế, gây khó khăn cho cả bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm...

(v) Đang có khó khăn, vướng mắc liên quan đến việc hoàn trả tài sản bảo đảm là vật chứng trong vụ án hình sự quy định tại Điều 14, Nghị quyết số 42/2017/QH14. Các thủ tục, quy trình về hoàn trả tài sản bảo đảm của các vụ án cho các TCTD không rõ ràng, thiếu chi tiết. Đang có sự phối hợp thiếu chặt chẽ, chưa đầy đủ trách nhiệm của các bên có liên quan, như: cơ

quan thi hành án, công an... về hoàn trả tài sản bảo đảm trong các vụ án cho các TCTD có khoản nợ xấu. Do việc này kéo dài, nên các TCTD chậm nhận được tài sản để chủ động bán hay phát mại, xử lý và thu hồi vốn của các khoản nợ xấu.

(vi) Hiện đã có quy chế phối hợp giữa Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tư pháp về hoạt động thi hành án dân sự, nhưng tại một số địa phương do nhiều nguyên nhân, nên hoạt động thi hành án trong lĩnh vực ngân hàng còn chưa thật sự hiệu quả, nhiều vụ việc kéo dài, phát sinh chi phí lớn cho các TCTD khi xử lý nợ.

(vii) Do bất cập của quy định pháp lý về tổ chức thẩm định giá đã khiến NHTM bị hạn chế trong lựa chọn tổ chức định giá có đủ uy tín, năng lực để thực hiện định giá tài sản bảo đảm. Nhiều địa phương còn thiếu tổ chức thẩm định giá hoặc năng lực của tổ chức thẩm định giá còn yếu, dẫn đến chất lượng thẩm định giá chưa cao.

MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ

Qua phân tích một số hạn chế và nguyên nhân của những tồn tại trong chất lượng tài sản của các NHTM, tác giả đề xuất một số khuyến nghị như sau:

Về phía các cơ quan quản lý nhà nước, cần triển khai các giải pháp sau đây:

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý và chế tài để loại bỏ hoàn toàn sở hữu chéo, sở hữu lũng đoạn, vốn là nguyên nhân chủ yếu tạo ra các khoản nợ xấu lớn ở một số NHTM cổ phần trước đây và hiện tại vẫn còn là gánh nặng tài chính đối với nhiều ngân hàng nhỏ.

Thứ hai, các bộ, ngành và địa phương cần tập trung giải quyết dứt điểm những

khó khăn, vướng mắc về cơ chế, cũng như trong thực tế áp dụng Nghị quyết số 42/2017/QH14; trong đó, bao gồm các khó khăn, vướng mắc cụ thể liên quan đến công tác triển khai, hướng dẫn từ các bộ, ngành và địa phương; bán nợ xấu và tài sản bảo đảm theo giá trị thị trường, phát triển thị trường mua - bán nợ. Bên cạnh đó, cũng cần có cơ chế tiếp cận thông tin về tình trạng tài sản bảo đảm; quyền thu giữ tài sản bảo đảm; áp dụng thủ tục rút gọn trong giải quyết tranh chấp về nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm và xử lý tài sản bảo đảm...

Về phía các NHTM, cần tăng cường quản trị rủi ro tín dụng và xử lý nợ xấu theo hướng sau:

Một là, tăng cường cơ cấu danh mục tín dụng vào những ngành nghề ít rủi ro, có tiềm năng phát triển; tăng tỷ trọng cho vay ngắn hạn; khai thác tối đa năng lực, thế mạnh của từng địa phương; đẩy mạnh cho vay đối với lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn, xây dựng các công trình trọng điểm quốc gia, công nghiệp chế biến, chế tạo, các doanh nghiệp xuất khẩu, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, những ngành nghề được hưởng lợi từ các hiệp định thương mại tự do... Đây cũng là những đối tượng được khuyến khích phát triển tín dụng theo chủ trương của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, qua đó giảm thiểu rủi ro và tạo nền tảng khách hàng vững chắc cho ngân hàng.

Hai là, xây dựng nền tảng khách hàng chiến lược, hoàn thiện cơ chế chính sách đối với các khách hàng có năng lực tài chính tốt, sản xuất kinh doanh hiệu quả, có tín nhiệm với ngân hàng.

Ba là, bên cạnh việc bán nợ cho các công ty mua bán nợ, như: Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC), Công ty Mua bán nợ Việt Nam (DATC), các ngân hàng cũng cần có các giải pháp hỗ trợ khách hàng, như: xem xét miễn, giảm lãi suất; cơ cấu lại kỳ hạn trả nợ phù hợp với dòng tiền của khách hàng; triển khai đồng bộ giải pháp tư vấn tài chính, tham gia tư vấn xây dựng chiến lược kinh doanh, hỗ trợ về tìm kiếm khách hàng tiêu thụ sản phẩm và hợp tác kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động cho doanh nghiệp. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội (2017). *Nghị quyết số 42/2017/QH14, ngày 21/06/2017 về thí điểm xử lý nợ xấu của các TCTD*
2. Bộ Tài chính (2018). *Thông tư số 16/2018/TT-BTC, ngày 07/02/2018 hướng dẫn một số điều về chế độ tài chính đối với TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài*
3. Ngân hàng Nhà nước (2012). *Quyết định số 780/2012-NHNN, ngày 23/04/2012 về phân loại nợ đối với nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ*
4. Ngân hàng Nhà nước (2015). *Thông tư số 09/2015/TT-NHNN, ngày 17/07/2015 quy định về hoạt động mua, bán nợ của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài*
5. Ngân hàng Nhà nước (2020). *Thông tư số 01/2020/TT-NHNN, ngày 13/03/2020 quy định về việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19*
6. Ngân hàng Nhà nước (2021). *Thông tư 03/2021/TT-NHNN, ngày 02/4/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN, ngày 13/03/2020 quy định về việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19*